



Ký bởi: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Email: tinhuy@lamdong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh ủy Lâm Đồng
Ngày ký: 10.08.2021 09:07:18 +07:00

TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

*

Số 708 - CV/TU

*Nghiên cứu, tham mưu tổng kết 20 năm
thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 03/8/2021, Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể có Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ban hành Kế hoạch và Đề cương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (*sao gửi kèm theo*); Thường trực Tỉnh ủy giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, tham mưu thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch của Ban Chỉ đạo.

Trân trọng thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy để các đồng chí biết, thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT3.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Hoàng Văn Bằng

**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5
KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2021

Số: **77** /QĐ-BCĐKTTT

PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG

Số: **7463**

Ngày: **09-08-2021**

Nội dung:

hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch và Đề cương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG TỔNG KẾT 20 NĂM
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC
ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 887/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch và Đề cương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Cục Phát triển hợp tác xã (Bộ KH&ĐT);
- Các thành viên Ban Chỉ đạo và thành viên Tổ biên tập;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, BCDKTTT (2). 415





**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5
KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002,
Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể
(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ngày 03 tháng 8 năm 2021 của
Trường ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5
khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)**

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Việc tổng kết nhằm đánh giá kết quả triển khai thực hiện và tình hình phát triển kinh tế tập thể sau 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi là tắt là Nghị quyết số 13-NQ/TW), bao gồm: kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; đề xuất định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, phục vụ việc hoàn thiện thể chế, xây dựng dự thảo Nghị quyết mới của trung ương về kinh tế tập thể.

2. Yêu cầu:

- Bám sát các nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TW để đánh giá nghiêm túc, khách quan, đầy đủ, toàn diện kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện Nghị quyết; đánh giá đúng thực trạng của kinh tế tập thể để phát hiện những mô hình hiệu quả, cách làm hay, những yêu cầu mới, những bài học mới hiện nay để có những nhận thức, quan điểm, mục tiêu, giải pháp phù hợp, hiệu quả về phát triển kinh tế tập thể; từ đó, đề ra những quan điểm, chủ trương, cơ chế, chính sách có tính căn bản, toàn diện bổ sung vào Nghị quyết mới cho phù hợp với thực tiễn hiện nay và yêu cầu, xu hướng phát triển trong bối cảnh, tình hình mới.

- Tiến hành đúng trọng tâm, trọng điểm, sát thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực và khảo sát tại các địa phương có tính đại diện vùng, miền; đề xuất được phương hướng, mục tiêu, giải pháp cho những năm tiếp theo.

- Các bộ, ngành, địa phương phải thực hiện đúng sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX; xác định rõ nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện tổng kết Nghị quyết; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Bảo đảm thực chất, tránh hình thức, nghiên cứu kế thừa kết quả tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, từ đó có thể tác động tới nhận thức của xã hội về kinh tế tập thể và khắc phục được những bất cập trong thực thi pháp luật, các cơ chế chính sách về kinh tế tập thể.

- Lồng ghép tối đa các hoạt động tổng kết Nghị quyết số 13-NQ/TW với các hoạt động tổng kết thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, bảo đảm công tác tổng kết tiến hành thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

II. KẾ HOẠCH TỔNG KẾT

1. Đối tượng: các cấp ủy Đảng từ cơ sở đến trung ương gồm: cấp huyện, cấp tỉnh; các bộ, ngành, đoàn thể trung ương và các cơ quan có liên quan.

2. Thời gian:

a) Thời gian tổ chức thực hiện việc tổng kết: Từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021.

b) Về mốc thời gian số liệu báo cáo tổng kết: Sử dụng số liệu về tình hình phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã bắt đầu từ thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2001 đến thời điểm (số dự kiến) ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3. Nội dung và tiến độ triển khai thực hiện:

a) Trong tháng 6 năm 2021: thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết.

b) Từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021:

- Các hoạt động tổng kết và xây dựng báo cáo tại các bộ, ngành, địa phương:

+ Các bộ, ngành, cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trên cơ sở tình hình thực tế trong lĩnh vực quản lý

nhà nước được phân công, chủ động triển khai kế hoạch, lựa chọn hình thức tổng kết của bộ, ngành mình phù hợp, hiệu quả; xây dựng và gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trước ngày 15 tháng 10 năm 2021.

+ Tỉnh ủy, thành ủy 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành tổng kết và tổ chức Hội nghị tổng kết ở hai cấp: Cấp huyện (Chậm nhất trong tháng 9 năm 2021); cấp tỉnh (Chậm nhất trong tháng 10 năm 2021).

Các địa phương mời đại diện Ban Chỉ đạo Trung ương và đại diện Văn phòng Đối mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tham dự hội nghị tổng kết cấp tỉnh; hoàn thiện và gửi báo cáo tổng kết Nghị quyết về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trước ngày 15 tháng 10 năm 2021.

- Hoạt động nghiên cứu, xây dựng báo cáo chuyên đề: Các bộ, ngành, cơ quan trung ương nghiên cứu, xây dựng một số chuyên đề chuyên sâu (Phụ lục kèm theo) gửi về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 10 năm 2021.

- Hoạt động khảo sát trong nước:

Tổ chức 7 đoàn công tác khảo sát tại 7 vùng, làm việc với các địa phương và hợp tác xã:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc; Bắc Trung Bộ; Đông Nam Bộ.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Đồng bằng sông Hồng; đồng bằng sông Cửu Long.

+ Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì đoàn công tác tại các vùng: Tây Nguyên; Nam Trung Bộ.

Các bộ, ngành, cơ quan được giao chủ trì tổ chức Đoàn công tác chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình, đề cương khảo sát gửi địa phương và các bộ, ngành, cơ quan có trong thành phần đoàn công tác ít nhất 10 ngày trước khi tổ chức. Báo cáo kết quả khảo sát về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 10 năm 2021.

- Hoạt động khảo sát nước ngoài: Tùy theo điều kiện cho phép, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức một số đoàn đi nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã.

c) Trước ngày 25 tháng 10 năm 2021:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

Các báo cáo kết quả Hội nghị tổng kết gửi về Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 30 tháng 10 năm 2021.

d) Từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021:

Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết, dự thảo Nghị quyết mới về phát triển kinh tế tập thể; lấy ý kiến góp ý đối với các dự thảo và hoàn thiện, báo cáo Ban Chỉ đạo.

đ) Trong tháng 12 năm 2021: Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết.

e) Trong tháng 3 năm 2022: hoàn thiện báo cáo tổng kết Nghị quyết, trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến về báo cáo tổng kết Nghị quyết và bản dự thảo Nghị quyết mới.

g) Trong tháng 5 năm 2022: trình Hội nghị Trung ương cho ý kiến về báo cáo tổng kết Nghị quyết và bản dự thảo Nghị quyết mới.

4. Khen thưởng:

Các bộ, ngành, cơ quan, tỉnh ủy, thành ủy 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lựa chọn các cá nhân, tập thể, hợp tác xã có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định và công bố khen thưởng tại hội nghị tổng kết Nghị quyết các cấp (từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2021).

Giao Thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) phối hợp với Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương) hướng dẫn lập hồ sơ khen thưởng các cá nhân, tập thể, hợp tác xã có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW trong tháng 8 năm 2021; rà soát hồ sơ, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định khen thưởng.

5. Kinh phí:

a) Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết ở bộ, ngành, địa phương nào thì bộ, ngành, địa phương đó quyết định theo quy định hiện hành.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, cơ quan liên quan sử dụng ngân sách nhà nước đã giao năm 2021 để thực hiện nhiệm vụ tổng kết. Trường hợp cần thiết, làm việc với Bộ Tài chính để bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm công tác tổng kết được tiến hành thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Phó Trưởng ban, các ủy viên Ban Chỉ đạo thay mặt Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thuộc phạm vi lĩnh vực, địa bàn, chuyên đề được phân công phụ trách; có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, pháp luật, giải pháp phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong quá trình tổng kết Nghị quyết.

2. Các bộ, ngành, địa phương: Theo dõi, chỉ đạo tổng kết các nội dung thuộc phạm vi quản lý của mình liên quan đến phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; khẩn trương tổ chức thực hiện việc tổng kết Nghị quyết bảo đảm có hiệu quả, chất lượng, đúng thời gian quy định.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tham gia vào việc tuyên truyền trong quá trình tiến hành tổng kết Nghị quyết.

4. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tích cực đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tiến hành tổng kết Nghị quyết bảo đảm hiệu quả và tiến độ theo kế hoạch.



Phụ lục
CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU
PHỤC VỤ XÂY DỰNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW NGÀY 18 THÁNG 3 NĂM 2002

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Trường ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

1. Chuyên đề: Tổng hợp các bài viết, nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn 2001 - 2021 (Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam chủ trì).
2. Chuyên đề: Một số vấn đề lý luận về kinh tế hợp tác, hợp tác xã và các hình thức liên kết hợp tác ở Việt Nam (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì).
3. Chuyên đề: Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Quá trình hình thành và phát triển (Ban Kinh tế Trung ương chủ trì).
4. Chuyên đề: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức, hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã. Những vấn đề đặt ra và kiến nghị giải pháp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì).
5. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực giao thông vận tải. Xu hướng và giải pháp (Bộ Giao thông vận tải chủ trì).
6. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Xu hướng và giải pháp (Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì).
7. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã ngành công thương. Xu hướng và giải pháp (Bộ Công Thương chủ trì).
8. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, y tế. Xu hướng và giải pháp (Bộ Y tế chủ trì).
9. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng. Xu hướng và giải pháp (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì).
10. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực môi trường, cung cấp nước sạch. Xu hướng và giải pháp (Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì).
11. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Xu hướng và giải pháp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì).

12. Chuyên đề: Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hợp tác xã và quản lý nhà nước về hợp tác xã. Xu hướng và giải pháp (Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì).

13. Chuyên đề: Bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã tại các bộ, ngành, địa phương. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (Bộ Nội vụ chủ trì).

14. Chuyên đề: Vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

15. Chuyên đề: Nghiên cứu và đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động đối với liên đoàn hợp tác xã (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

16. Chuyên đề: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hệ thống hợp tác xã tại địa phương (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

17. Chuyên đề: Phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị. Xu hướng và giải pháp (Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì).

18. Chuyên đề: Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW (Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì).

19. Chuyên đề: Vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên nông dân nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, tích cực tham gia xây dựng hợp tác xã; những giải pháp và đề xuất, kiến nghị chính sách hỗ trợ đối với các hợp tác xã do nông dân thành lập, quản lý. (Trung ương Hội Nông dân Việt Nam chủ trì).

20. Chuyên đề: Nghiên cứu, đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và nội dung, phương thức hỗ trợ đối với hợp tác xã do thanh niên thành lập, quản lý (Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chủ trì).

21. Chuyên đề: Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia thành lập, quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ trong hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030 (Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì).

22. Chuyên đề: Nghiên cứu, đánh giá thực trạng tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, vận động hỗ trợ phát triển hợp tác xã trong 20 năm thực hiện Nghị quyết; đề xuất các giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể (hợp tác xã, tổ hợp tác) do cựu chiến binh thành lập và quản lý (Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chủ trì).



**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5
KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002,
Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể
(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ngày 03 tháng 8 năm 2021 của
Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5
khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)**

MỞ ĐẦU

1. Khái quát mục tiêu, vai trò, vị trí của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã và căn cứ tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 13-NQ/TW).

Đề nghị các bộ, ngành, cơ quan trung ương khái quát về vai trò, vị trí của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong quá trình xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách; các địa phương khái quát về vai trò, vị trí và đóng góp của kinh tế tập thể, hợp tác xã đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Khái quát quá trình tổ chức tổng kết Nghị quyết của bộ, ngành, địa phương mình.

Phần I

BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

I. BỐI CẢNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

1. Khái quát về tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế tại thời điểm ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW và trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

2. Đặc điểm và những yêu cầu về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

1. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết (bao gồm cả các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư sau khi Nghị quyết được ban hành¹); liệt kê cụ thể các quyết định, kế hoạch, chương trình hành động... triển khai Nghị quyết.

2. Các hình thức triển khai thực hiện Nghị quyết, những cách làm, những bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Nghị quyết. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh những cách làm mới, sáng tạo, được đánh giá là hiệu quả khi triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và nguyên nhân.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW VÀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2001 - 2021

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thực tiễn hoạt động, bám sát các định hướng, nhiệm vụ về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư sau khi Nghị quyết được ban hành, đề nghị các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương tổng kết, đánh giá theo các nội dung sau đây:

1. Về thống nhất nhận thức trong quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của tổ chức kinh tế tập thể trong phát triển kinh tế xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhất là trong tâm lý hoài nghi, mặc cảm với mô hình hợp tác xã kiểu cũ trong xã hội tại thời điểm Nghị quyết được ban hành còn khá phổ biến.

¹ Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

a) Về thống nhất nhận thức các quan điểm đã nêu trong Nghị quyết số 13-NQ/TW: Đề nghị các bộ, ngành, địa phương đánh giá sâu và đề xuất ý kiến hoàn thiện các quan điểm sau:

- Quan điểm 1: *"Kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn"*. Quan điểm này đã được hiểu thế nào? Vai trò, ý nghĩa của sở hữu thành viên, sở hữu tập thể trong mỗi tổ chức kinh tế tập thể đã thống nhất về nhận thức trong xã hội chưa? Những vấn đề gì cần làm rõ để thống nhất nhận thức và thực hiện quan điểm của Nghị quyết trong các bộ, ngành và địa phương?

- Quan điểm 2: *"Phân phối theo lao động, theo vốn góp và mức độ tham gia dịch vụ; hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Thành viên kinh tế tập thể bao gồm các thể nhân và pháp nhân, cả người ít vốn và nhiều vốn, cùng góp vốn và góp sức trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi và quản lý dân chủ"*. Quan điểm này còn nội dung gì chưa rõ; phải làm rõ thêm để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

- Quan điểm 3: *"Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế làm chính, bao gồm lợi ích của các thành viên và lợi ích của tập thể, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội của thành viên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tiến lên làm giàu cho các thành viên, phát triển cộng đồng. Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể phải toàn diện cả kinh tế - chính trị - xã hội, cả hiệu quả của tập thể và của các thành viên"* đã nhận thức thống nhất chưa? Cần phải làm rõ thêm vấn đề gì để thống nhất nhận thức và thực hiện quan điểm này?

- Quan điểm 4: *"Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn, trong đó trọng tâm là ở khu vực nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn phải trên cơ sở đảm bảo quyền tự chủ của kinh tế hộ, trang trại, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế hộ, trang trại phát triển; gắn với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới"* đã được nhận thức thống nhất chưa? Cần làm rõ thêm những vấn đề gì để thống nhất nhận thức và thực hiện quan điểm này?

- Quan điểm 5: *"Khuyến khích việc tích lũy và sử dụng có hiệu quả vốn tập thể trong hợp tác xã"* đã được nhận thức đúng chưa và thống nhất chưa? Cần làm rõ thêm những điểm nào để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

- Quan điểm 6: *"Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể... Phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam,*

của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh...) trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia kinh tế tập thể” đã được nhận thức thống nhất chưa và cần làm rõ những điểm nào để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

- Quan điểm 7: “*Phát triển kinh tế tập thể theo phương châm tích cực nhưng vững chắc, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đi từ thấp đến cao đạt hiệu quả thiết thực, vì sự phát triển của sản xuất, tránh duy ý chí, nóng vội, gò ép, áp đặt; đồng thời không buông lỏng lãnh đạo để mặc cho tình hình phát triển tự phát, chậm nắm bắt và đáp ứng nhu cầu về phát triển kinh tế hợp tác của nhân dân*” đã thống nhất được nhận thức chưa? Cần bổ sung, làm rõ điểm gì để thống nhất nhận thức và thực hiện được quan điểm này?

b) Về cách thức triển khai: Các bộ, ngành, địa phương cần báo cáo những biện pháp, cách thức triển khai trong việc tuyên truyền và thống nhất nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã; kết quả đạt được từ những biện pháp đó trong đó nêu rõ những nội dung nào đã có sự thống nhất, nội dung nào còn chưa thống nhất; những vấn đề còn vướng mắc trong công tác thống nhất nhận thức.

2. Về xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển

Sau khi Nghị quyết được ban hành, môi trường thể chế để kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển đã từng bước được hoàn thiện, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được sửa đổi, bổ sung và ban hành mới, trong đó có Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Hợp tác xã năm 2012 cùng rất nhiều các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành. Đề nghị các bộ, ngành, địa phương đánh giá trên các khía cạnh sau đây:

a) Tính đầy đủ của hệ thống văn bản pháp luật: thông qua việc thống kê số văn bản pháp luật do cơ quan mình ban hành và số lượng trình cấp có thẩm quyền ban hành (dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định...).

b) Tính đầy đủ, phù hợp trong việc thể chế hóa: các quan điểm, định hướng, nhiệm vụ về phát triển hợp tác xã của Đảng thể hiện trong Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn kiện Đại hội Đảng, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư được ban hành từ sau khi có Nghị quyết số 13-NQ/TW đến nay đã thể chế hóa đầy đủ hay chưa? Nội dung nào còn chưa được thể chế (nếu có); trong quá trình thể chế có vướng mắc gì không? Đối với những văn bản đã ban hành và có hiệu lực thi hành trên thực tế cần đánh giá mức độ phù hợp của chính sách với thực tiễn.

c) Tính kịp thời của văn bản: đánh giá tính kịp thời của văn bản thông qua việc xem xét thời gian ban hành so với chiến lược, kế hoạch hoặc chương trình xây dựng văn bản pháp luật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tính khả thi và hiệu lực của văn bản: đã bảo đảm tính khả thi ngay khi được ban hành và có hiệu lực hay phải chờ văn bản hướng dẫn để thực hiện, nêu những nội dung trong các Luật hoặc văn bản dưới luật chưa khả thi hoặc ban hành ra không thực hiện được.

đ) Việc phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về hợp tác xã.

Đề nghị:

- Việc đánh giá không dàn trải theo năm mà tập trung vào từng giai đoạn để có tính tổng quát, có thể so sánh, đối chiếu nhằm làm rõ sự phát triển của hệ thống pháp luật. Các số liệu nên thống kê và phân tích, đánh giá theo các thời điểm: trước khi có Luật Hợp tác xã năm 2003 (trước năm 2003); giai đoạn sau khi có Luật Hợp tác xã năm 2003 (từ năm 2003 đến hết năm 2012) và giai đoạn sau khi có Luật Hợp tác xã năm 2012 (từ năm 2012 đến nay).

- Cách viết nên theo hướng nêu nhận định, đánh giá, sau đó là các số liệu chứng minh, không nên liệt kê.

3. Về sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách

a) Chính sách cán bộ và nguồn nhân lực:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và nghiệp vụ cho khu vực kinh tế tập thể.

- Chính sách thu hút cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về công tác tại hợp tác xã.

- Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với thành viên và người lao động làm việc theo hợp đồng trong hợp tác xã.

b) Chính sách đất đai:

- Chính sách giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hợp tác xã nông nghiệp để xây dựng trụ sở, để sản xuất kinh doanh.

- Chính sách giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hợp tác xã phi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh.

c) Chính sách tài chính tín dụng:

- Chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

- Chính sách cho hợp tác xã phi nông nghiệp được thuê đất dài hạn, giảm mức nộp tiền thuê đất cho hợp tác xã.

- Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế.

- Chính sách hỗ trợ đầu vào, đầu ra cho sản xuất nông nghiệp.

- Xử lý nợ tồn đọng của hợp tác xã nông nghiệp.

- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

d) Chính sách hỗ trợ về khoa học và công nghệ.

đ) Chính sách hỗ trợ tiếp thị và mở rộng thị trường.

e) Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

g) Chính sách khác:

- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh.

- Hỗ trợ về chế biến sản phẩm.

- Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Hỗ trợ tổ chức lại hoạt động hợp tác xã.

-

.....

Đề nghị: đối với mỗi chính sách cần xác định rõ

+ *Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương.*

+ *Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của bộ, ngành, địa phương. Trong đó làm rõ những cơ chế, chính sách có tính chất đột phá nhằm đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.*

+ *Kết quả triển khai thực hiện từ khi chính sách được ban hành (số hợp tác xã, thành viên, người lao động tiếp cận, hưởng lợi chính sách, kinh phí hỗ trợ); các cách thức (cơ chế) triển khai chính sách; hiệu quả của chính sách (ảnh hưởng tích cực, tiêu cực của chính sách đối với sự phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã).*

+ *Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách cần phải khắc phục trong quá trình triển khai thực hiện.*

4. Về nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước

a) Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

- Ở Trung ương: các bộ, ngành báo cáo rõ nội dung quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của bộ, ngành mình hiện đang được phân công cho đơn vị nào là đầu mối quản lý? Là đơn vị chuyên trách hay kiêm nhiệm? Số lượng biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ được phân công (ghi rõ số lượng cán bộ chuyên trách, số lượng cán bộ kiêm nhiệm, trình độ của cán bộ).

- Ở địa phương: báo cáo rõ nội dung quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của địa phương mình hiện đang được phân công cho đơn vị nào là đầu mối quản lý (ở cấp tỉnh là phòng nào thuộc Sở nào? ở cấp huyện là phòng nào?). Là đơn vị chuyên trách hay kiêm nhiệm? Số lượng biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ được phân công (ghi rõ số lượng cán bộ chuyên trách, số lượng cán bộ kiêm nhiệm, trình độ của cán bộ).

Địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tại địa phương chưa? Cơ cấu tổ chức, số lượng, thành phần? Vai trò của Ban Chỉ đạo trong phát triển kinh tế tập thể tại địa phương.

b) Về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể:

- Đánh giá về công tác đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của hợp tác xã, xây dựng hệ thống thông tin về hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, chính sách hỗ trợ ưu đãi đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đánh giá về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể của bộ, ngành đối với địa phương; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã, của cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật; thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Đánh giá về thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành.

.....

Đề nghị: ngoài việc mô tả thực trạng, khi đánh giá cần làm rõ được một số nội dung cụ thể sau:

- Về tổ chức bộ máy: việc tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại các bộ, ngành, địa phương đã đạt được mục tiêu của Nghị quyết và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn của phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa?

- Về công tác phân công, phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã: việc phân công công việc đã đúng chức năng, nhiệm vụ chưa? Có sự chồng chéo giữa các đơn vị không? Việc phối hợp giữa các đơn vị trong xử lý nhiệm vụ như thế nào?

- Về thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước: đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chưa? Những nhiệm vụ nào đã thực hiện nhưng còn chưa tốt? Những nhiệm vụ nào chưa thực hiện được (nếu có); có trình trạng buông lỏng quản lý hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động của hợp tác xã (như can thiệp vào phương án sản xuất kinh doanh và công tác nhân sự của hợp tác xã) không?

- Về đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã: có am hiểu và nhận thức đúng về lĩnh vực kinh tế tập thể? Công tác đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý nhà nước về hợp tác xã?

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

5. Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò quan trọng trong việc vận động quần chúng tham gia kinh tế tập thể.

Trong báo cáo, các cơ quan, đoàn thể cần làm nổi bật được những hoạt động của mình trong việc tuyên truyền, vận động hội viên tham gia vào sự phát triển kinh tế tập thể; vai trò hỗ trợ của mình đối với các hội viên khi tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể; vai trò giám sát, phản biện, bảo vệ hội viên trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy định pháp luật, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế tập thể.

Báo cáo cũng cần làm rõ số lượng hội viên là thành viên của hợp tác xã trên tổng số hội viên; số lượng hợp tác xã do hội viên của mình làm quản lý; những hỗ trợ của đoàn thể, hiệp hội (nếu có) khi hội viên tham gia hợp tác xã.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2001 - 2021

1. Về tổ hợp tác

a) Tổng hợp số liệu và đánh giá sự phát triển của các loại hình tổ hợp tác (số lượng, số thành viên, số tổ có đăng ký, cơ cấu tổ hợp tác trong các lĩnh vực...); so sánh số liệu dự kiến ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001.

b) Tính chất và trình độ phát triển của các tổ hợp tác.

c) Tình hình và kết quả hoạt động của các tổ hợp tác, vai trò của tổ hợp tác trong việc giúp các hộ thành viên phát triển sản xuất kinh doanh và nâng cao thu nhập, đời sống, góp phần xoá đói giảm nghèo; so sánh số liệu dự kiến ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001.

d) Kết quả việc khắc phục các hạn chế, khó khăn của tổ hợp tác (về nhận thức, về pháp lý, về mô hình và công tác quản lý, về các biện pháp trợ giúp,...).

đ) Những hạn chế, khó khăn và những vấn đề mới phát sinh của tổ hợp tác hiện nay.

2. Về hợp tác xã

a) Tình hình phát triển hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31/12/2001 với số liệu dự kiến 31/12/2021):

- Số lượng hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), trong đó có số lượng hợp tác xã thành lập mới; số lượng hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể.

- Số thành viên hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001) trong đó số lượng thành viên mới tham gia vào hợp tác xã; số lao động làm việc trong khu vực hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), số lao động mới.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001):

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Tổng doanh thu của hợp tác xã, tổng lợi nhuận của hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Thu nhập bình quân của thành viên, lao động của hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Đóng góp của khu vực hợp tác xã vào tổng sản phẩm của địa phương và của nền kinh tế (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 và so với thời điểm 31/12/2001);

- Tổng số nợ đọng của hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01/01/1997 và từ 01/01/1997 đến 31/12/2021), tổng số nợ đọng của thành viên với hợp tác xã.

- Tổng số hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

- Số hợp tác xã sản xuất sản phẩm đạt OCOP tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao và 5 sao.

c) Những chuyển biến của hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác.

d) Năng lực nội tại của các hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong các hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong hợp tác xã... (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001).

đ) Hiệu quả kinh tế và xã hội của hợp tác xã; vai trò của hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng.

3. Về liên hiệp hợp tác xã

a) Tình hình phát triển liên hiệp hợp tác xã: số lượng, quy mô, mức góp vốn, mô hình tổ chức và kết quả hoạt động (so sánh số liệu thời điểm ngày 31/12/2001 với số liệu dự kiến 31/12/2021):

- Số lượng liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), trong đó có số lượng liên hiệp hợp tác xã thành lập mới; số lượng liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, ngưng hoạt động; số lượng liên hiệp hợp tác xã đã chuyển đổi, giải thể.

- Số hợp tác xã thành viên dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001) trong đó số hợp tác xã thành viên mới tham gia vào liên hiệp hợp tác xã; số lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001), số lao động mới.

b) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của các liên hiệp hợp tác xã trong từng ngành, lĩnh vực, vùng (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001):

- Tổng số vốn hoạt động, giá trị tài sản của liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021), trong đó tổng số vốn đăng ký mới; tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Tổng doanh thu của liên hiệp hợp tác xã, tổng lợi nhuận của liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Thu nhập bình quân của thành viên, lao động trong liên hiệp hợp tác xã (dự kiến tại thời điểm 31/12/2021); tăng/giảm so với thời điểm 31/12/2001.

- Tổng số nợ đọng của liên hiệp hợp tác xã dự kiến tại thời điểm 31/12/2021 (chia theo giai đoạn phát sinh nợ từ trước 01/01/1997 và từ 01/01/1997 đến 31/12/2021), tổng số nợ đọng của thành viên với liên hiệp hợp tác xã.

- Tổng số liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã 2012.

- Số hợp tác xã sản xuất sản phẩm đạt OCOP tiêu chuẩn 3 sao, 4 sao và 5 sao.

c) Những chuyển biến của liên hiệp hợp tác xã về phương thức hoạt động, đầu tư, liên kết, liên doanh, sản xuất gắn với chuỗi giá trị của liên hiệp hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác.

d) Năng lực nội tại của liên hiệp hợp tác xã: về vốn; về cơ sở vật chất; về cán bộ quản lý và người lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã; về công tác tổ chức, quản lý trong liên hiệp hợp tác xã.... (so sánh số liệu dự kiến tại thời điểm ngày 31/12/2021 với số liệu thời điểm 31/12/2001).

đ) Hiệu quả kinh tế và xã hội của liên hiệp hợp tác xã; vai trò của liên hiệp hợp tác xã trong xây dựng nông thôn mới, xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội khác trong cộng đồng.

4. Mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật, điển hình với cách làm mới:

Mỗi bộ, ngành, địa phương lựa chọn 1 - 3 mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nổi bật nhất của địa phương, ngành mình; báo cáo khái quát về tên, địa chỉ, loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; đóng góp nổi bật của hợp tác xã trong việc mang lại lợi ích cho thành viên (tạo việc làm, nâng cao thu nhập, phát huy tinh thần dân chủ, đoàn kết, tương thân tương ái....), vai trò của hợp tác xã đối với cộng đồng dân cư và sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn.

Thông tin chi tiết về hoạt động của hợp tác xã đề nghị đính kèm trong phụ lục báo cáo.

b) Một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị:

Mỗi bộ, ngành, địa phương lựa chọn 1 - 2 mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động thành công theo phương thức sản xuất gắn với chuỗi giá trị; báo cáo khái quát về tên, địa chỉ, loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh

của hợp tác xã; công đoạn tham gia của hợp tác xã trong chuỗi giá trị; vai trò của hợp tác xã trong toàn bộ chuỗi giá trị; lợi ích thu được từ chuỗi giá trị (đối với hợp tác xã; đối với thành viên tham gia hợp tác xã; các đối tượng khác trong chuỗi giá trị).

Thông tin chi tiết về hoạt động của hợp tác xã đề nghị đính kèm trong Phụ lục báo cáo.

Đề nghị lưu ý: nếu có sự trùng lặp với hợp tác xã đã nêu ở mục a) thì chỉ cần nêu lại tên, đồng thời bổ sung các nội dung theo yêu cầu.

III. HẠN CHẾ, BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, bất cập trong thống nhất nhận thức và quan điểm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

2. Những hạn chế, bất cập trong việc xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận tiện cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

3. Những hạn chế, bất cập trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và triển khai cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

4. Những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý của Nhà nước về kinh tế tập thể. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

5. Những hạn chế, bất cập về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Nêu nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này.

IV. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá tổng quát

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện ở mục I và mục II, đối chiếu với yêu cầu của Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư²:

² Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/3/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

a) Đánh giá vai trò, ý nghĩa và đóng góp của kinh tế tập thể, hợp tác xã đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của đất nước trong 20 năm qua. Việc đánh giá phải trên cơ sở quan điểm toàn diện, cả kinh tế - chính trị - xã hội, cả hiệu quả của tập thể và của các thành viên.

b) Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 13-NQ/TW, những mục tiêu nào đã đạt được, mục tiêu nào chưa đạt được; các mục tiêu này còn phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế tập thể, hợp tác xã không? Các mục tiêu mới cần đặt ra trong giai đoạn tới?

c) Đánh giá những nội dung còn phù hợp của từng nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra trong Nghị quyết số 13-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần tiếp tục thực hiện; các nội dung không còn phù hợp; những việc chưa làm được, những việc không làm được; những việc cần thực hiện trong thời gian tới.

d) Đánh giá về việc khắc phục những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể, hợp tác xã đã được nêu ra trong Nghị quyết; hạn chế nào đã được khắc phục, hạn chế nào còn tồn tại, hạn chế nào mới phát sinh.

2. Bài học kinh nghiệm

Trên cơ sở chỉ ra những nội dung của từng định hướng, giải pháp trong Nghị quyết số 13-NQ/TW được cho là còn phù hợp với bối cảnh, tình hình hiện nay cần tiếp tục thực hiện; những nội dung không còn phù hợp; những việc chưa làm được, những việc không làm được từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong việc ban hành, triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN TỚI

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh trong nước và thế giới

a) Dự báo bối cảnh tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế, đại dịch Covid-19, cách mạng công nghiệp lần thứ tư có ảnh hưởng đến việc đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đối với ngành, lĩnh vực, địa bàn do bộ, ngành, địa phương mình phụ trách.

b) Những cơ hội, thách thức đặt ra đối với phát triển kinh tế tập thể

- Cơ hội:

- Thách thức:

2. Những yêu cầu đặt ra và xu hướng mới phát triển kinh tế tập thể

a) Yêu cầu về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm?

b) Yêu cầu về lựa chọn mô hình hợp tác, liên kết trong hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm?

c) Yêu cầu về hợp tác, liên kết để ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ và sản xuất hàng hóa lớn?

d) Yêu cầu về nâng cao năng lực cạnh tranh của hợp tác xã trong bối cảnh Việt Nam hội nhập và thực hiện các hiệp định thương mại song phương và đa phương?

đ) Yêu cầu về phát triển hợp tác xã trong các ngành, lĩnh vực mới như: y tế, dược, nhà ở, giáo dục - đào tạo, bảo hiểm...

e) Xu hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tập trung đòi hỏi phải đẩy mạnh thực hiện liên kết ngang giữa những người sản xuất và liên kết dọc theo chuỗi giá trị sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương làm rõ thêm các yêu cầu đặt ra và xu hướng phát triển kinh tế tập thể, đồng thời bổ sung các yêu cầu, xu hướng khác.

II. QUAN ĐIỂM

Qua tổng kết lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã 20 năm qua, đề nghị các bộ, ngành, địa phương nêu những quan điểm về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bám sát các định hướng của Đảng tại văn kiện Đại hội XIII.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút nông dân, hộ kinh tế cá thể, cá nhân và nhiều tổ chức tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống và bảo đảm an sinh xã hội cho các thành viên, cùng chia sẻ sự thịnh vượng và quản lý một cách dân chủ, tham gia mạnh mẽ vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương bổ sung thêm về mục tiêu tổng quát.

2. Mục tiêu cụ thể tới năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

a) Về mục tiêu đến năm 2030:

- Cả nước có khoảng 140 nghìn tổ hợp tác với 2 triệu thành viên tổ hợp tác, 45 nghìn hợp tác xã với 8 triệu thành viên, 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

- Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60% - 70% trên tổng số hợp tác xã cả nước. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; 80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp để phấn đấu đến năm 2030 cả nước có trên 5.000 hợp tác xã và 500 tổ hợp tác đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản.

- Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

- Xử lý dứt điểm các hợp tác xã đã ngừng hoạt động và các hợp tác xã chưa chuyển đổi, tổ chức lại theo Luật Hợp tác xã.

(Theo các mục tiêu tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030)

- Các mục tiêu khác (bổ sung nếu cần thiết):

+ Đóng góp của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (bao gồm giá trị gia tăng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và các thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác) vào GRDP/GDP hằng năm?

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo...

+ Thành viên và người lao động làm việc theo hợp đồng trong hợp tác xã được bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp..

....

b) Về tầm nhìn đến năm 2045: ...

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025 NHẪM TẬP TRUNG NGUỒN LỰC ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, CẤP THIẾT, TẠO ĐIỂM NHẤN, NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ CHO CÁC GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, lựa chọn những vấn đề trọng tâm, quan trọng nhất của bộ, ngành, địa phương mình cần xử lý ngay từ nay đến năm 2025 và đưa ra những giải pháp đột phá để xử lý các vấn đề đã nêu.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thống nhất và nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể.
2. Về tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp của các bộ, ngành, đoàn thể trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
3. Về hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý thuận lợi để kinh tế tập thể phát triển.
4. Về kiện toàn cơ cấu tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, liên minh hợp tác xã các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội liên quan đến kinh tế tập thể.
5. Về đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể.
6. Về xây dựng các mô hình kinh tế tập thể kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hội nhập kinh tế quốc tế.
7. Về tập trung nguồn lực, tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ phát triển, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã sản xuất gắn với chuỗi giá trị, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, tại các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, miền núi.
8. Về đổi mới cơ chế chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng khuyến khích tăng số lượng thành viên, quy mô hoạt động của hợp tác xã, nâng cao khả năng tiếp cận, tính khả thi của chính sách, thúc đẩy liên kết sản xuất phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.
9. Về tư vấn, hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

10. Về hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống của các liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân.

11. Về bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, bảo đảm an sinh xã hội thông qua mô hình kinh tế tập thể.

12. Về tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể.

13. Về vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

14. Về vai trò, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã các cấp trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

15. Các nhiệm vụ, giải pháp khác:

Đối với từng nhóm nhiệm vụ, giải pháp đề nghị các bộ, ngành, địa phương nêu cụ thể các nội dung cần thực hiện; sắp xếp và đánh số thứ tự các nhóm nhiệm vụ, giải pháp theo thứ tự ưu tiên; đồng thời đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp khác.

Phần IV ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Ban Chấp hành Trung ương

a) Ban chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết mới về kinh tế tập thể trên cơ sở bổ sung, sửa đổi các nội dung cho phù hợp với thực tiễn.

b) Các kiến nghị khác: ...

2. Bộ Chính trị, Ban Bí thư

a) Bộ Chính trị, Ban Bí thư thường xuyên theo dõi, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế tập thể.

b) Các kiến nghị khác:

3. Đảng đoàn Quốc hội

a) Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Luật Hợp tác xã mới thay thế Luật Hợp tác xã năm 2012.

b) Bố trí khoản ngân sách nhất định hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

c) Các kiến nghị khác:

4. Ban cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành

a) Chính phủ: Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tăng cường chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b) Các bộ, ngành: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hợp tác xã, nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với kinh tế tập thể và bố trí khoản kinh phí tương xứng để thực hiện chính sách hỗ trợ.

c) Các kiến nghị khác:

5. Các Ban Đảng ở Trung ương

a) Ban Kinh tế Trung ương: Chỉ đạo, hướng dẫn đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong hệ thống chính trị cả nước.

b) Ban Tuyên giáo Trung ương: Quan tâm chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trường chính trị có chương trình giảng dạy về kinh tế tập thể, hợp tác xã; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền về vai trò, vị trí, bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động và những đóng góp của hợp tác xã kiểu mới.

c) Các kiến nghị khác:

6. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng đoàn Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và lựa chọn những nội dung thiết thực để khích lệ, động viên nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức đoàn thể phối hợp với cơ quan nhà nước cùng cấp tăng cường tuyên truyền, vận động và lựa chọn những nội dung thiết thực để khích lệ, động viên nhân dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

c) Tăng cường hoạt động giám sát việc thực thi pháp luật về Luật Hợp tác xã năm 2012 và các chính sách phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

d) Hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, thành viên, người lao động trong toàn hệ thống trên cơ sở đổi mới phương thức hoạt động cơ cấu lại hệ thống các trường đào tạo, các trung tâm sẵn có của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam để hỗ trợ hợp tác xã phù hợp với điều kiện và tình hình mới. Tiếp tục quan tâm hơn nữa việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đảm bảo đầy đủ quyền lợi đối với các thành viên và người lao động trong hợp tác xã.

đ) Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

e) Các kiến nghị khác:

7. Các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương

a) Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã.

b) Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế chính sách về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

c) Các kiến nghị khác:



Phụ lục I
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH ĐỂ TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT (ÁP DỤNG CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG)

(Kèm theo Đề cương Báo cáo tại Quyết định số 17/QĐ-BCĐKTTT
ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương
tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

1. Số lượng văn bản:

DVT: Số văn bản

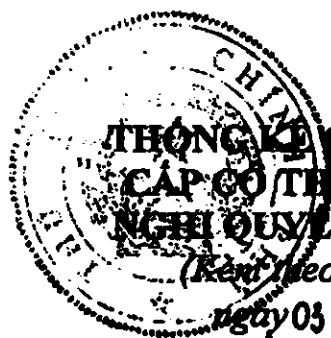
TT	Loại văn bản	Cấp tỉnh			Cấp huyện/ thị xã/thành phố		
		Tỉnh ủy	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân	Huyện ủy	Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân
1	Nghị quyết						
2	Chỉ thị						
3	Chương trình hành động						
4	Hướng dẫn						
5	Kế hoạch						
6	Quyết định						
7	Các văn bản khác (nếu có)						
Tổng số							

2. Tên/số ký hiệu chi tiết của văn bản:

- Nghị quyết số...

- Chỉ thị số ...

.....



Phụ lục II

**THÔNG KÊ CHI TIẾT CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH HOẶC TRÌNH
CẤP CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT (ÁP DỤNG CHO CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG)**

*(Kèm theo Đề cương Báo cáo tại Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT
ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Trường ban Chỉ đạo Trung ương
tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)*

STT	Tên văn bản, số ký hiệu	Năm ban hành
I	Luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội	
1		
2		
	...	
II	Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ	
1		
2		
	...	
III	Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ	
1		
2		
	...	
IV	Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	
1		
2		
	...	
V	Các văn bản khác (Kế hoạch, Chương trình...)	
1		
2		
	...	



Phụ lục III
THÔNG KÊ VỀ BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
(Kê theo Đề cương Báo cáo tại Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT
ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Trường ban Chỉ đạo Trung ương
tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

STT	Địa phương	Đầu mối quản lý		Số cán bộ theo dõi hiện có	
		Sở	Phòng phụ trách theo dõi	Chuyên trách ¹	Kiểm nhiệm
	Tỉnh ...				
	Cấp tỉnh	Sở ...	Phòng
	Cấp huyện		Phòng

STT	Bộ/cơ quan trung ương	Đầu mối quản lý		Số cán bộ theo dõi hiện có	
		Cục/Vụ/Viện	Phòng phụ trách theo dõi	Chuyên trách	Kiểm nhiệm
	Bộ	Cục...	Phòng...
	Bộ ...	Vụ ...	Không có

¹ Chuyên trách: được phân công chuyên về theo dõi kinh tế tập thể, hợp tác xã, không làm thêm các việc khác.



Phụ lục IV

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2001 - 2021

(Kèm theo Đề cương Báo cáo tại Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ngày 08 tháng 8 năm 2021 của Trường ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001 - 2011	Thời điểm 31/12/2011		Bình quân giai đoạn 2011 - 2021		Thời điểm 31/12/2021	
					Thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)	Thực hiện	So sánh với bình quân giai đoạn 2001 - 2011 (%)	Ước thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)
I	HỢP TÁC XÃ									
1	Tổng số hợp tác xã	HTX								
	Trong đó:									
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX								
	Số hợp tác xã giải thể	HTX								
2	Số hợp tác xã hoạt động hiệu quả	HTX								
3	Tổng số thành viên hợp tác xã	Thành viên								
	Trong đó:									
	Số thành viên mới	Thành viên								
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên								
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên								
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên								
4	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Người								
	Trong đó:									
	Số lao động thường xuyên mới	Người								
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001 - 2011	Thời điểm 31/12/2011		Bình quân giai đoạn 2011 - 2021		Thời điểm 31/12/2021	
					Thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)	Thực hiện	So sánh với bình quân giai đoạn 2001 - 2011 (%)	Ước thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)
5	Tổng vốn hoạt động của hợp tác xã	Tr đồng								
6	Tổng giá trị tài sản hợp tác xã	Tr đồng								
7	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm								
	<i>Trong đó:</i>									
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm								
8	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm								
9	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm								
10	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người								
	<i>Trong đó:</i>									
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người								
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người								
11	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người								
II	LIÊN HIỆP HTX									
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX								
	<i>Trong đó:</i>									
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX								
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX								

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001 - 2011	Thời điểm 31/12/2011		Bình quân giai đoạn 2011 - 2021		Thời điểm 31/12/2021	
					Thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)	Thực hiện	So sánh với bình quân giai đoạn 2001 - 2011 (%)	Ước thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)
2	Số liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả	LH HTX								
3	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX								
4	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người								
5	Tổng vốn hoạt động của liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng								
6	Tổng giá trị tài sản liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng								
7	Doanh thu bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng/năm								
8	Lãi bình quân một liên hiệp hợp tác xã	Tr đồng/năm								
III	TỔ HỢP TÁC									
1	Tổng số tổ hợp tác	THT								
	<i>Trong đó:</i>									
	Số tổ hợp tác có đăng ký thành lập	THT								
2	Tổng số thành viên	Thành viên								
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm								
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm								

Phụ lục V

SỐ LƯỢNG HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ
(Kèm theo Đề cương Báo cáo tại Quyết định số 77/QĐ-BCĐKTTT ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Trường ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001 - 2011	Thời điểm 31/12/2011		Bình quân giai đoạn 2011 - 2021		Thời điểm 31/12/2021	
					Thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)	Thực hiện	So sánh với bình quân giai đoạn 2001 - 2011 (%)	Ước thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)
I	HỢP TÁC XÃ									
	Tổng số hợp tác xã	HTX								
	Trong đó:									
1	Hợp tác xã nông nghiệp	HTX								
2	Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX								
3	Hợp tác xã xây dựng	HTX								
4	Hợp tác xã tín dụng	HTX								
5	Hợp tác xã thương mại	HTX								
6	Hợp tác xã vận tải	HTX								
7	Hợp tác xã môi trường	HTX								
8	Hợp tác xã nhà ở	HTX								
9	Hợp tác xã khác	HTX								
II	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ									
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX								
	Chia ra:									
1	LH hợp tác xã nông nghiệp	LHHTX								
2	LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX								
3	LH hợp tác xã xây dựng	LHHTX								

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2001	Bình quân giai đoạn 2001 - 2011	Thời điểm 31/12/2011		Bình quân giai đoạn 2011 - 2021		Thời điểm 31/12/2021	
					Thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)	Thực hiện	So sánh với bình quân giai đoạn 2001 - 2011 (%)	Ước thực hiện	So sánh với thời điểm 31/12/2001 (%)
4	LH hợp tác xã tín dụng	LHHTX								
5	LH hợp tác xã thương mại	LHHTX								
6	LH hợp tác xã vận tải	LHHTX								
7	LH hợp tác xã môi trường	LHHTX								
8	LH hợp tác xã nhà ở	LHHTX								
9	LH hợp tác xã khác	LHHTX								
III	TỔ HỢP TÁC									
	Tổng số Tổ hợp tác	THT								
	Chia ra:									
1	THT nông nghiệp	THT								
2	THT công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	THT								
3	THT xây dựng	THT								
4	THT thương mại	THT								
5	THT vận tải	THT								
6	THT môi trường	THT								
7	THT nhà ở	THT								
8	THT khác	THT								

**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5
KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2021

Số: 79 /QĐ-BCĐKTTT

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương
tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX
về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể**

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG TỔNG KẾT 20 NĂM
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC
ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII;

Căn cứ Quyết định số 887/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-BCĐĐMPTKTTTHTX ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

Căn cứ Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

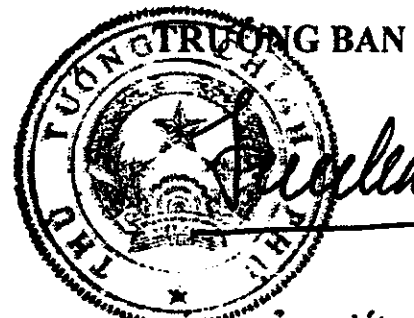
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

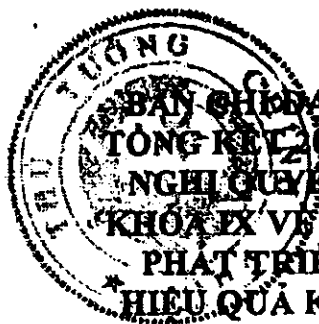
Điều 3. Trưởng ban, các Phó Trưởng ban, các Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh HTX VN;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Cục Phát triển Hợp tác xã (Bộ KH&ĐT);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, BCĐKTTT (2b). 132



PHÓ THỦ TƯỚNG
Lê Minh Khái



**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5
KHÓA IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI,
PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐ-BCĐKTTT ngày 09 tháng 8 năm 2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) được thành lập theo Quyết định số 887/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 13-NQ/TW).

Điều 2. Các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo và các nhiệm vụ do Trưởng ban Chỉ đạo phân công.

Thường trực Ban Chỉ đạo là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; giúp việc cho Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo là Tổ Biên tập và Văn phòng đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (trên cơ sở sử dụng bộ máy của Cục Phát triển Hợp tác xã - Bộ Kế hoạch và Đầu tư và công chức kiêm nhiệm, biệt phái của các bộ, cơ quan khác có thành viên tham gia Ban Chỉ đạo).

Điều 3. Các Phó Trưởng ban Chỉ đạo và các Ủy viên Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của bộ, ngành, cơ quan mình trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

Chương II **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO**

Điều 4. Đồng chí Lê Minh Khái, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng ban Chỉ đạo

1. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Chỉ đạo.

2. Chủ trì và kết luận tại các cuộc họp của Ban Chỉ đạo để quyết định những nội dung và hoạt động tổng kết.

3. Chủ trì tổ chức Hội nghị toàn quốc Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW.

4. Quyết định những vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

Điều 5. Đồng chí Nguyễn Chí Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Trưởng ban Chỉ đạo thường trực có nhiệm vụ:

1. Thay mặt Trưởng ban Chỉ đạo chủ trì và điều hành hoạt động chung của Ban Chỉ đạo khi Trưởng ban vắng mặt hoặc được Trưởng ban ủy quyền; chủ trì, tổ chức các cuộc họp thường xuyên và định kỳ của Thường trực Ban Chỉ đạo và Ban Chỉ đạo theo ủy quyền; điều hành công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo theo mảng công việc được Trưởng ban Chỉ đạo phân công chủ trì; chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trưởng ban.

2. Giúp Trưởng ban điều phối hoạt động của Thường trực Ban Chỉ đạo và Ban Chỉ đạo trong quá trình thực hiện tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

3. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc hoạt động của Văn phòng đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và Tổ biên tập giúp việc Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Đồng chí Lê Minh Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó Trưởng ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

1. Giúp Trưởng ban Chỉ đạo điều phối, xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

2. Điều hành công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo theo mảng công việc được Trưởng ban Chỉ đạo phân công chủ trì trong Kế hoạch và Đề cương tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

3. Chỉ đạo, chủ trì đánh giá kết quả thực hiện về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tập trung các nội dung: xây dựng báo cáo và tổ chức hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực nông nghiệp; nghiên cứu xu hướng và đề xuất giải pháp phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 7. Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương, Phó Trưởng ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

1. Giúp Trưởng ban Chỉ đạo điều phối, xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

2. Điều hành công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo theo mảng công việc được Trưởng ban Chỉ đạo phân công chủ trì trong Kế hoạch và Đề cương tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

3. Chỉ đạo, chủ trì đánh giá kết quả thực hiện về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao cho Ban Kinh tế Trung ương.

Tập trung các nội dung: Chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của 2 tỉnh và 1 thành phố, bao gồm: Hải Dương, Vĩnh Phúc và thành phố Hải Phòng.

Điều 8. Đồng chí Nguyễn Ngọc Bảo, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Phó Trưởng ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

1. Giúp Trưởng ban Chỉ đạo điều phối, xử lý, giải quyết các vấn đề có liên quan trong quá trình chỉ đạo thực hiện tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

2. Điều hành công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo theo mảng công việc được Trưởng ban Chỉ đạo phân công chủ trì trong Kế hoạch và Đề cương tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

3. Chỉ đạo, chủ trì đánh giá kết quả thực hiện về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao cho Liên minh Hợp tác xã Việt Nam.

Tập trung các nội dung: xây dựng báo cáo và tổ chức hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết trong lĩnh vực phi nông nghiệp; nghiên cứu các vấn đề về củng cố, đổi mới tổ chức và hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam; nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động, tăng cường trách nhiệm của hệ thống Liên minh Hợp tác xã các cấp với vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; mở rộng hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong một số lĩnh vực công.

Điều 9. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo do Trưởng ban phân công.

2. Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW và các chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong quá trình thực hiện Nghị quyết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công của Trường ban Chỉ đạo.

3. Tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các kỳ họp của Ban Chỉ đạo; kịp thời báo cáo về tình hình triển khai các công việc được phân công theo yêu cầu của Trường Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo; chủ động kiểm tra, đôn đốc thực hiện tổng kết Nghị quyết ở các địa phương, đơn vị khi điều kiện dịch bệnh cho phép và các nhiệm vụ được phân công.

4. Chủ trì xây dựng, đánh giá, thẩm định một số chuyên đề, nội dung báo cáo theo phân công.

5. Thực hiện những nhiệm vụ khác theo phân công của Trường ban Chỉ đạo.

Điều 10. Nhiệm vụ cụ thể của Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên:

- Chỉ đạo tổng hợp, xây dựng báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW và các công tác chuẩn bị phục vụ Hội nghị toàn quốc Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW; chỉ đạo tổ chức một số đoàn công tác khảo sát, làm việc với các địa phương và hợp tác xã tại các vùng theo phân công trong Kế hoạch tổng kết.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tổ chức, hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Hà Nam và Thành phố Hà Nội.

2. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW theo Kế hoạch và Đề cương tổng kết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã; chỉ đạo tổ chức một số đoàn công tác khảo sát, làm việc với các địa phương và hợp tác xã tại các vùng theo phân công trong Kế hoạch tổng kết.

- Chỉ đạo việc chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre.

3. Đồng chí Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW theo Kế hoạch và Đề cương tổng kết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã; chỉ đạo tổ chức một số đoàn công tác khảo sát, làm việc với các địa phương và hợp tác xã tại các vùng theo phân công trong Kế hoạch tổng kết.

- Chỉ đạo việc chuẩn bị tổ chức Hội nghị toàn quốc về tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW trong lĩnh vực phi nông nghiệp.

- Chỉ đạo chuẩn bị các chuyên đề: Vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam trong quá trình triển khai Nghị quyết 13-NQ/TW; nghiên cứu và đề xuất các quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động đối với liên đoàn hợp tác xã; phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho hệ thống hợp tác xã tại địa phương.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước.

4. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Tài chính đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ.

5. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW theo Kế hoạch và Đề cương tổng kết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Giao thông vận tải đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực giao thông vận tải, xu hướng và giải pháp.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn.

6. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Công Thương, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW theo Kế hoạch và Đề cương tổng kết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Công Thương đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Phát triển hợp tác xã ngành công thương, xu hướng và giải pháp.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

7. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW theo Kế hoạch và Đề cương tổng kết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Xây dựng đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Phát triển hợp tác xã ngành xây dựng, xu hướng và giải pháp.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thành phố Đà Nẵng.

8. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Bắc Ninh, Thái Bình.

9. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong hợp tác xã và quản lý nhà nước về hợp tác xã, xu hướng và giải pháp.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh.

10. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa.

11. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng.

12. Đồng chí Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí tham gia vào việc tuyên truyền trong quá trình tiến hành tổng kết Nghị quyết.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La.

13. Đồng chí Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Ủy ban Dân tộc đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Điện Biên, Bình Thuận.

14. Đồng chí Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW theo Kế hoạch và Đề cương tổng kết, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Phát triển hợp tác xã trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng. Xu hướng và giải pháp.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Đồng chí Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Ủy viên:

- Giúp việc trực tiếp Trưởng Ban Chỉ đạo và Ban Chỉ đạo về tổng hợp các báo cáo, đề xuất, kế hoạch hoạt động và lịch làm việc của Ban Chỉ đạo; tổ chức các buổi họp định kỳ, đột xuất và hội nghị tổng kết theo chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ đạo; thông báo kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo tại các buổi họp, hội nghị tổng kết.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh.

16. Đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế của Quốc hội, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội đối với lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

17. Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 13/NQ-TW.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

18. Đồng chí Phó Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ủy viên:

- Chỉ đạo đánh giá kết quả thực hiện và xây dựng báo cáo về những nội dung được giao trong Nghị quyết 13-NQ/TW, những nội dung thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam trong việc phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Chỉ đạo chuẩn bị chuyên đề: Vai trò của Hội Nông dân Việt Nam trong tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên nông dân nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, tích cực tham gia xây dựng hợp tác xã; những giải pháp và đề xuất, kiến nghị chính sách hỗ trợ đối với các hợp tác xã do nông dân thành lập, quản lý.

- Trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tổng kết Nghị quyết của các tỉnh: Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh.

19. Đồng chí Cục trưởng Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Văn phòng Đối mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, Ủy viên:

- Chỉ đạo hoạt động của Văn phòng đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và hoạt động của Tổ Biên tập để phục vụ công tác tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

- Giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo trong việc tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và các bộ, ngành, địa phương, kịp thời tham mưu để Trưởng Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

- Giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong việc tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

- Tổng hợp, báo cáo về tình hình triển khai các công việc được phân công theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 11. Các thành viên Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng chế độ thù lao từ ngân sách nhà nước theo quy định cho đến khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Chương III **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CHẾ ĐỘ HỌP**

Điều 12. Chế độ làm việc

Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân các thành viên Ban Chỉ đạo. Các nội dung, hoạt động quan trọng của Ban Chỉ đạo được quyết định tại Phiên họp thường kỳ hoặc đột xuất dưới sự chủ trì của Trưởng ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng ban Chỉ đạo khi được ủy quyền. Trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp, có thể thông báo và lấy ý kiến các thành viên Ban Chỉ đạo bằng văn bản.

Điều 13. Chế độ họp

1. Ban Chỉ đạo họp khi cần thiết, theo quyết định của Trưởng ban Chỉ đạo.

2. Nội dung cuộc họp, thành phần tham dự cuộc họp và thời điểm tổ chức cuộc họp của Ban Chỉ đạo do Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo (khi Trưởng Ban Chỉ đạo ủy quyền) quyết định.

3. Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo phải được thông báo bằng văn bản về nội dung, thời gian và địa điểm tối thiểu trước 03 ngày làm việc. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm nghiên cứu văn bản, chuẩn bị ý kiến thảo luận, bố trí thời gian tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

4. Thường trực Ban Chỉ đạo tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo cho ý kiến sau cùng trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau giữa các thành viên Ban Chỉ đạo về cùng một vấn đề trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

5. Kết luận của Trưởng ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng ban Chỉ đạo (được ủy quyền) tại các cuộc họp được thể hiện bằng văn bản và gửi tới các thành viên để tổ chức triển khai thực hiện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này áp dụng cho các thành viên Ban Chỉ đạo.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Tạo điều kiện để Ban Chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra và tiến hành các hoạt động có liên quan đến việc thực hiện tổng kết Nghị quyết 13-NQ/TW.

2. Tổ chức tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW ở địa phương, đơn vị mình theo hướng dẫn tại Kế hoạch, Đề cương tổng kết và chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo.

Điều 16. Trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Quy chế, trên cơ sở đề xuất của các thành viên Ban Chỉ đạo, báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.